



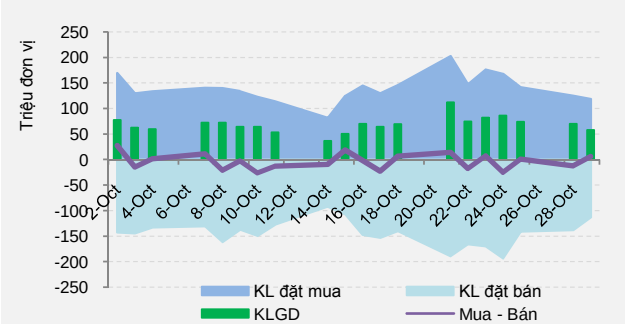
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 29/10/2013

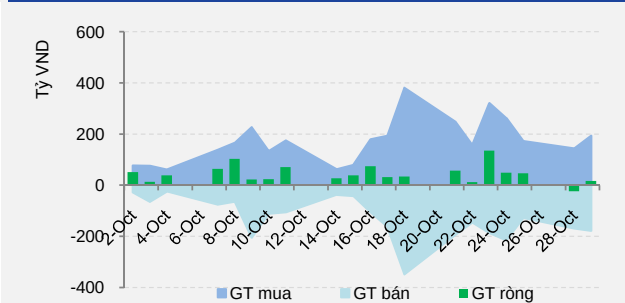
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	497.1	61.5
% Thay đổi	↑ 0.1%	↑ 0.1%
KLGD (CP)	57,866,550	20,601,925
GTGD (tỷ đồng)	909.83	168.02
Tổng cung (CP)	112,714,750	48,155,600
Tổng cầu (CP)	118,758,440	45,859,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,215,210	294,675
KL mua (CP)	3,555,100	975,900
GTmua (tỷ đồng)	193.30	6.11
GT bán (tỷ đồng)	176.54	3.93
GT ròng (tỷ đồng)	16.76	2.18

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.40%	7.4	1.6	1.8%
Công nghiệp	↑ 0.90%	385.8	1.0	16.4%
Dầu khí	↓ -1.30%	7.4	1.5	1.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.24%	13.6	1.8	3.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.28%	8.2	2.7	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.31%	12.2	5.0	24.3%
Ngân hàng	↑ 0.01%	7.1	1.3	15.9%
Nguyên vật liệu	↑ 0.19%	9.0	2.0	7.3%
Tài chính	↑ 0.53%	17.7	2.5	21.5%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.61%	8.8	3.3	7.2%
VN - Index	↑ 0.12%	12.8	2.9	84.6%
HNX - Index	↑ 0.15%	31.8	1.5	15.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	3,999,860	5.4%	400,350	0.5%
GTGD (tỷ VND)	422,187	31.4%	9,431	0.7%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index đã phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 495 điểm. Mức độ biến động giá của chỉ số chung trong phiên không nhiều do áp lực cung giá thấp tại ngưỡng hỗ trợ khá hạn chế, dù lực cầu còn thận trọng trong quyết định đẩy giá lên. Khối lượng mua tăng dần vào gần cuối phiên, đến từ NĐT trong nước và nước ngoài, từ đó lan sang thị trường chung. Nhóm cổ phiếu beta cao, kỳ vọng được hỗ trợ từ việc Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, xử lý nợ xấu... tiếp tục thu hút dòng tiền. Tại sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng tăng điểm trở lại, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 61 điểm. Cột nền biểu thị giá là cột nền hammer, cho tín hiệu bước đầu về lực cầu bắt đáy.

Diễn biến thị trường phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật có thể tiếp nối trong phiên giao dịch ngày mai. Tuy nhiên với thực tế lực mua vào còn thận trọng, xu hướng điều chỉnh tích lũy của thị trường dự kiến chưa kết thúc. Chúng tôi duy trì quan điểm mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều với mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh là khoảng 490-495 điểm đối với VN-Index, 60.5-61 điểm đối với HNX-Index. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, có thể xem xét tái cơ cấu danh mục theo hướng chuyển sang cổ phiếu cơ bản tốt, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index đảo chiều tăng điểm về cuối phiên khi giảm đến ngưỡng hỗ trợ 495 điểm. Kết thúc phiên, VN-Index tăng 0.62 điểm (0.12%), lên 497.08 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- HNX-Index tăng điểm về cuối phiên khi giảm đến ngưỡng hỗ trợ 61 điểm. Đóng cửa, HNX-Index tăng 0.09 điểm (0.15%), lên 61.50 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- Theo Tổ điều hành thị trường trong nước (Bộ Công thương), CPI tháng 11 dự báo tăng nhẹ 0.5- 0.6% so với tháng 10. CPI hai tháng cuối năm dự kiến không biến động mạnh, do sức mua toàn nền kinh tế còn yếu và Chính phủ cam kết không tăng giá điện. Nếu CPI tháng 11 tăng khoảng 0.5-0.6%, CPI 11 tháng so cùng kỳ sẽ tăng lên khoảng 6%. CPI năm 2013 dự báo trong khoảng 7%, thấp hơn kế hoạch 8% do Quốc hội đặt ra.

- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia vừa có báo cáo về tình hình kinh tế Việt Nam 10 tháng đầu năm, dự báo năm 2013. Theo đó, nền kinh tế tiếp tục cho tín hiệu phục hồi. GDP ở quý IV dự báo tăng ở mức 6% do tính chất mùa vụ, thời điểm cuối năm là cao điểm sản xuất kinh doanh, và tác động của độ trễ chính sách (khoảng 9 tháng) trong những tháng cuối năm. Với mức tăng GDP quý IV như dự báo của UBGSTCQG, GDP năm 2013 có thể đạt mức 5.4%.

- Chỉ tiêu về sản xuất tiêu thụ tồn kho tháng 10 vẫn cho tín hiệu cải thiện. Chỉ số sản xuất tháng 10 tăng so với cùng kỳ, tính chung 10 tháng tăng 5.4% so cùng kỳ, không biến động so với thời điểm tháng 9. Chỉ số tiêu thụ tiếp tục cải thiện nhẹ so với tháng trước, chỉ số tồn kho cũng có mức tăng khá, lên tương đương thời điểm tháng 6/2013. Chỉ số hàng tồn kho tiếp tục tăng vẫn thể hiện quan điểm tích trữ hàng hóa phục vụ SXKD thời điểm cuối năm của doanh nghiệp. Tuy nhiên tốc độ tăng hàng tồn kho nhanh hơn tốc độ tăng sản xuất vẫn cho thấy sức mua toàn nền kinh tế, đặc biệt là cầu nội địa còn chậm cải thiện.

- Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA đang làm việc với Bộ Tài chính và NHNN nhằm đưa ra cơ chế mua bán nợ theo giá thị trường. Theo đó Ngân hàng sẽ phân loại doanh nghiệp ra từng nhóm, thực hiện mua bán nợ cơ cấu lại đối với doanh nghiệp có triển vọng phát triển, và cho phá sản thu hồi tài sản đảm bảo đối với doanh nghiệp yếu kém. Với việc mua bán nợ theo giá thị trường, các nhà đầu tư tư nhân và các quỹ sẽ bỏ vốn vào DNNN, thực hiện tái cơ cấu DNNN. Theo JICA, hiện có khoảng 30 tỉ Yen (300 triệu USD) sẵn sàng đổ vào Việt Nam. Việc mua nợ xấu theo giá thị trường linh hoạt hơn hình thức VAMC đang tiến hành hiện nay, khi VAMC chỉ mua những khoản nợ có tài sản đảm bảo.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index đảo chiều tăng điểm về cuối phiên khi giảm đến ngưỡng hỗ trợ 495 điểm. Kết thúc phiên, VN-Index tăng 0.62 điểm (0.12%), lên 497.08 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- KLGD giảm 19% so với phiên trước, xuống 48 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI tăng nhẹ lên mức 53 điểm, tâm lý thị trường còn thận trọng. Chỉ báo MACD đã cắt đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh ngắn hạn.

Nhận định: Chỉ số VN-Index đã phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 495 điểm. Mức độ biến động giá của chỉ số chung trong phiên không nhiều do áp lực cung giá thấp tại ngưỡng hỗ trợ khá hạn chế, dù lực cầu còn thận trọng trong quyết định đẩy giá lên. Khối lượng mua tăng dần vào gần cuối phiên, đến từ NĐT trong nước và nước ngoài, từ đó lan sang thị trường chung. Nhóm cổ phiếu beta cao, kỳ vọng được hỗ trợ từ việc Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, xử lý nợ xấu... tiếp tục thu hút dòng tiền.

Diễn biến VN-Index phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 495 điểm có thể tiếp nối trong phiên giao dịch ngày mai. Tuy nhiên với thực tế lực mua vào còn thận trọng, xu hướng điều chỉnh tích lũy của thị trường dự kiến chưa kết thúc. Chúng tôi duy trì quan điểm mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều với mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh là khoảng 490-495 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm về cuối phiên khi giảm đến ngưỡng hỗ trợ 61 điểm. Đóng cửa, HNX-Index tăng 0.09 điểm (0.15%), lên 61.50 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- KLGD giảm 24% so với phiên trước, xuống 18.8 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI tăng nhẹ lên mức 54.6 điểm, tâm lý thị trường vẫn khá thận trọng. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm trở lại, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 61 điểm. Cột nến biểu thị giá là cột nến hammer, cho tín hiệu bước đầu về lực cầu bắt đáy.

Diễn biến HNX-Index phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 61 điểm có thể tiếp nối trong phiên giao dịch ngày mai. Tuy nhiên với thực tế lực mua vào còn thận trọng, xu hướng điều chỉnh tích lũy của thị trường dự kiến chưa kết thúc. Chúng tôi duy trì quan điểm mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều với mốc hỗ trợ kỹ thuật khá mạnh là khoảng 60.5-61 điểm.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q3 TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.75	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1.4%
2	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	2.0%
3	CMI	HNX	22.48	791.5%	5.05	1052.1%	23.22	81.8%	0.79	4.6%	3.4%	0.1%
4	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
5	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
6	VHG	HOSE	71.63	178.9%	21.12	471.2%	167.27	125.1%	75.52	-345.0%	-377.6%	0.2%
7	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	-274.4%	26.2%	3.1%
8	APS	HNX	4.15	92.0%	0.7	280.0%	15.67	60.1%	4.58	37.4%	39.9%	14.0%
9	HNH	HNX	66.26	119.4%	0.58	241.7%	195.7	104.0%	1.86	-107.5%	60.0%	4.4%
10	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.0%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN 9T TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FCM	HOSE	22.69	#DIV/0!	-5.28	0.0%	253.64	314.5%	16.38	20475.0%	17.1%	4.2%
2	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.0%
3	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
4	ORS	HNX	1.94	47.5%	-1.24	-138.5%	7.36	46.0%	-1.62	415.4%	-77.1%	0.0%
5	PSI	HNX	37.52	151.8%	0.26	107.1%	117.44	117.3%	2.09	380.0%	104.0%	17.8%
6	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
7	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	2.0%
8	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	43.9%
9	PGC	HOSE	743.06	84.6%	20.4	115.4%	2336.77	97.7%	63.56	176.4%	98.4%	4.7%
10	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.0%
2	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	0.6%
3	VTO	HOSE	393.57	89.1%	8.04	62.6%	1201.53	97.9%	23.44	54.5%	324.2%	2.0%
4	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	-162.9%	222.7%	4.4%
5	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.0%
6	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
7	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1053.25	115.0%	80.57	104.6%	149.8%	1.4%
8	BVS	HNX	51.47	119.4%	21.97	212.3%	153.3	96.2%	78.6	103.5%	135.2%	2.2%
9	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
10	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.8%

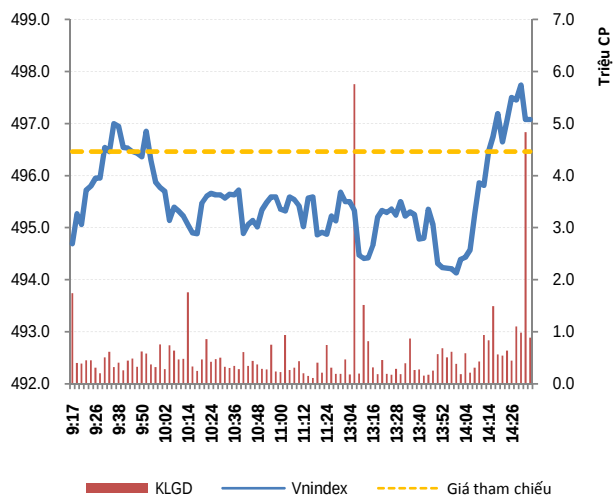
Ghi chú: Chỉ liệt kê những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phần

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

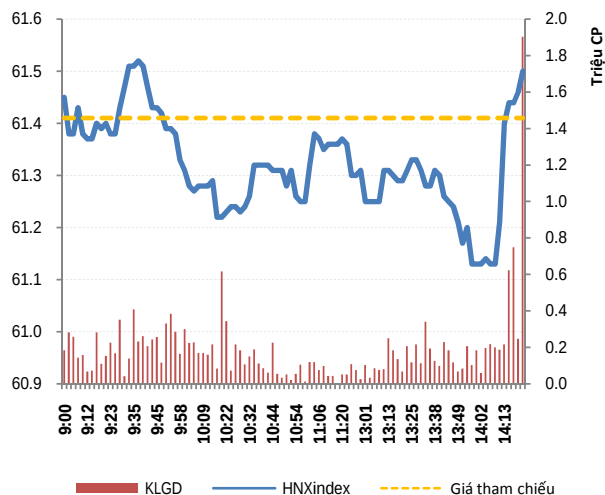
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 29/10/2013.

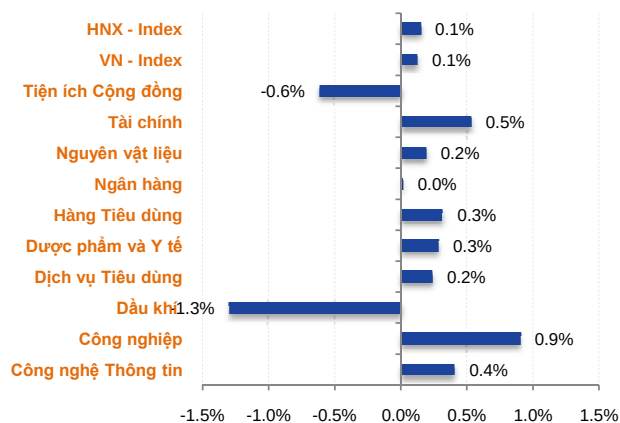
KLGD và VN-Index trong phiên



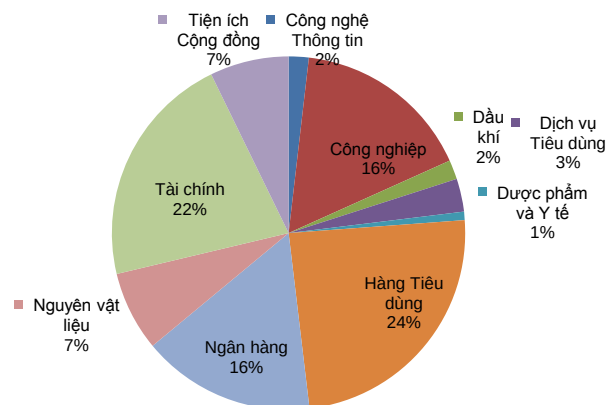
KLGD và HNX-Index trong phiên



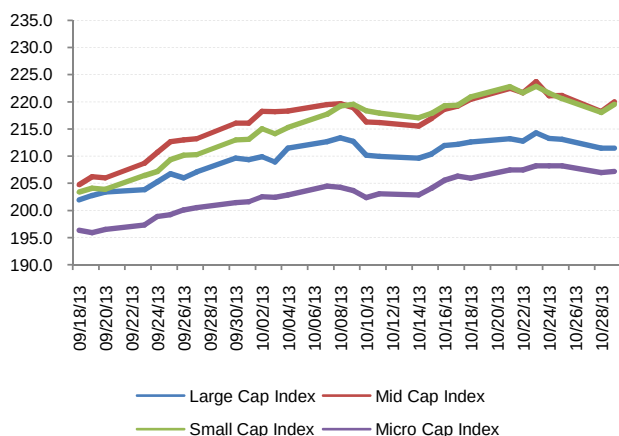
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



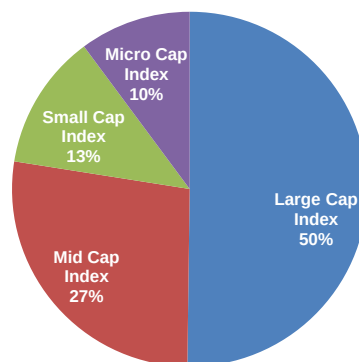
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NTL	360,000	ITA	2,839,000
2	IJC	300,000	STB	173,660
3	PPC	155,260	NBB	172,520
4	HPG	149,520	FLC	116,300
5	PHR	140,120	TDH	107,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SDH	401,000	DBC	158,600
2	SHB	380,000	SCR	30,000
3	IDJ	51,500	VCG	17,200
4	PLC	19,500	NLC	15,500
5	S91	13,000	PVC	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CTG	17.3	17.4	↑ 0.58%	6,787,200
ITA	6.1	6.1	→ 0.00%	5,381,280
VNE	5.6	5.5	↓ -1.79%	1,997,410
FLC	4.9	4.8	↓ -2.04%	1,817,160
HAG	22.6	22.5	↓ -0.44%	1,512,950

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	5.6	5.6	↑ 0.16%	1,899,040
VCG	9.1	9.1	↑ 0.15%	1,560,200
SHB	6.9	6.9	↓ -0.07%	1,453,692
SDH	3.9	4.2	↑ 6.85%	994,900
KLF	19.8	18.5	↓ -6.50%	988,900

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	15.8	16.9	1.1	↑ 6.96%
HU3	8.7	9.3	0.6	↑ 6.90%
PIT	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
TSC	7.3	7.8	0.5	↑ 6.85%
PTB	36.7	39.2	2.5	↑ 6.81%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
CCM	9.1	10.0	0.9	↑ 9.89%
SDC	5.1	5.6	0.5	↑ 9.80%
KMT	4.1	4.5	0.4	↑ 9.76%
ALT	11.3	12.4	1.1	↑ 9.73%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
GMC	27.7	25.8	-1.9	↓ -6.86%
PXT	3.0	2.8	-0.2	↓ -6.67%
SAV	9.4	8.8	-0.6	↓ -6.38%
VSI	5.0	4.7	-0.3	↓ -6.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.67%
HHL	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
PSG	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
SHN	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
PTS	4.0	3.6	-0.4	↓ -9.98%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	6,787,200	19.2%	2,580	6.7	1.2
ITA	5,381,280	0.3%	31	199.3	0.5
VNE	1,997,410	-1.1%	(122)	-	0.5
FLC	1,817,160	4.3%	661	7.3	0.3
HAG	1,512,950	5.0%	938	24.0	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	1,899,040	-3.1%	(450)	-	0.4
VCG	1,560,200	1.3%	150	61.3	0.8
SHB	1,453,692	-2.9%	(335)	-	0.6
SDH	994,900	-16.1%	(1,276)	-	0.6
KLF	988,900	5.8%	880	21.4	1.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDW	↑ 7.0%	16.4%	2,402	7.0	1.1
HU3	↑ 6.9%	13.7%	2,180	4.3	0.6
PIT	↑ 6.9%	-6.2%	(1,008)	-	0.4
TSC	↑ 6.8%	-5.8%	(978)	-	0.5
PTB	↑ 6.8%	39.3%	6,941	5.6	2.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
CCM	↑ 9.9%	3.2%	811	12.3	0.4
SDC	↑ 9.8%	6.3%	1,206	4.6	0.3
KMT	↑ 9.8%	3.5%	416	10.8	0.4
ALT	↑ 9.7%	-1.9%	(764)	-	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NTL	360,000	6.7%	902	15.2	1.1
IJC	300,000	3.6%	390	19.5	0.7
PPC	155,260	39.7%	6,105	3.4	1.3
HPG	149,520	18.4%	3,913	9.3	1.7
PHR	140,120	23.3%	6,010	5.3	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SDH	401,000	-16.1%	(1,276)	-	0.6
SHB	380,000	-2.9%	(335)	-	0.6
IDJ	51,500	-1.9%	(185)	-	0.3
PLC	19,500	18.3%	2,927	6.0	1.0
S91	13,000	18.7%	2,835	3.2	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	120,333	41.6%	6,429	9.9	3.7
VNM	117,520	40.5%	8,053	17.5	7.0
VCB	68,596	9.9%	1,785	16.6	1.7
CTG	64,787	19.2%	2,580	6.7	1.2
VIC	59,976	38.3%	4,973	13.3	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	0.3%	41	383.2	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	7,237	16.4%	2,738	5.9	1.0
SHB	6,114	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	573	41.9	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TS4	2.94	8.1%	1,518	5.3	0.5
CLG	2.56	9.9%	1,250	6.7	0.7
NKG	2.50	-20.2%	(2,085)	-	0.8
SGT	2.16	-41.0%	(2,320)	-	0.4
PET	1.88	14.4%	2,610	8.2	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	5.12	-123.3%	(3,000)	-	0.7
HDA	4.17	14.3%	1,841	6.1	0.9
TTZ	3.74	1.3%	135	22.9	0.3
VAT	3.31	-9.0%	(1,079)	-	0.4
PVV	3.13	-24.8%	(2,293)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)